

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/HS-ST
Ngày 08-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Lam
Ông Nguyễn Hồng Diên

Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Chử, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hạnh, Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 3 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 04/2022/TLST-HS ngày 28 tháng 01 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2022/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2022 đối với các bị cáo:

Nông Đức M, sinh ngày 12 tháng 3 năm 1995 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Tổ 9, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 002095000514, cấp ngày 03/4/2021, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; con ông Nông Văn M1, sinh năm 1962 và bà Trần Thị H, sinh năm 1968; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không; bị bắt tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 25/01/2022 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lãnh; có mặt.

Mai Thị L, sinh ngày 01 tháng 12 năm 1992 tại huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Q, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số: 0021920054914, cấp ngày 10/5/2021, nơi cấp Công an tỉnh Hà Giang; con ông Mai Văn B, sinh năm 1964 và bà Ma Thị L1, sinh năm 1964; có chồng là Lù Văn T1, sinh năm 1993; có 02 con: Con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: không, bị bắt tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 11/11/2021 được áp dụng biện pháp ngăn chặn: Bảo lãnh; có mặt.

- *Người làm chứng:*

- + Chị Nguyễn Thị H; vắng mặt có lý do.
- + Chị Bàn Thị B; vắng mặt có lý do.
- + Chị Thào Thị S; vắng mặt có lý do.
- + Anh Hoàng Văn S1; vắng mặt có lý do.
- + Anh Nguyễn Văn K; vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 20/9/2021, Nông Đức M thuê nhà nghỉ trọ tại thôn T, thị trấn Q, huyện Q của ông Nguyễn Mạnh T - SN: 1971, trú tại tổ 7, thị trấn Q, huyện Q với mục đích kinh doanh dịch vụ lưu trú (*Có hợp đồng thuê nhà lập ngày 20/9/2021*). Sau khi thuê nhà, M để cho Nguyễn Thị H - Sinh năm 1995, Bàn Thị B - Sinh năm 1994 và Thào Thị S ở nhà nghỉ trọ và để Nguyễn Thị H, Bàn Thị B và Thào Thị S làm nhân viên chuyên đi rót bia, bấm bài phục vụ cho khách hát tại các quán hát Karaoke trên địa bàn ở tại phòng A5 của nhà nghỉ trọ. Trong thời gian ở nhà nghỉ, M có trao đổi thống nhất với H và B, ngoài việc đi phục vụ khách tại quán hát, nếu khách nào có nhu cầu mua dâm thì H và B sẽ bán dâm tại nhà nghỉ trọ của M, còn M sẽ quản lý, điều hành việc bán dâm, mỗi lần khách đến mua dâm, M sẽ thu của khách 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*)/01 lượt mua dâm rồi chia lại cho H hoặc B mỗi người 100.000đ (*một trăm nghìn đồng*); nếu khách có nhu cầu mua dâm và ngủ qua đêm sẽ thu của khách 800.000đ (*Tám trăm nghìn đồng*) và chia H hoặc B mỗi người 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*). Số tiền còn lại, M sử dụng để làm chi phí nuôi ăn ở, sinh hoạt cho gái bán dâm và phục vụ việc chi tiêu cá nhân. Quá trình hoạt động, ngoài những người trên, còn có Mai Thị L - SN: 1992, trú tại thôn T, xã Đ, huyện Q (*là người yêu của M*) cũng đến nhà nghỉ trọ ở cùng M, biết việc M thỏa thuận việc để cho gái bán dâm tại nhà nghỉ trọ. L còn giúp M quản lý, sắp xếp, bố trí phòng và gái bán dâm cho khách đến mua dâm và thu tiền của khách, sau đó đưa lại cho M. Đối với Thào Thị S, quá trình làm tại nhà nghỉ trọ của M, S không đồng ý bán dâm cho khách mà chỉ làm công việc rót bia, phục vụ khách hát.

Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/10/2021, do có nhu cầu mua dâm nên Hoàng Văn S1, sinh năm 1996, trú tại thôn K, xã K, huyện Q, tỉnh Hà Giang rủ Nguyễn Văn K, sinh năm 1995, trú tại thôn C, xã K đi tìm gái bán dâm để quan hệ. S1 trao đổi với K rồi cùng K đi đến nhà trọ của M để mua dâm. Khi đến nhà nghỉ trọ, S1 cùng K gặp L và M, sau đó hai người trao đổi với L tại sân trước dãy nhà nghỉ trọ về việc muốn mua dâm và được L đồng ý. Tại nhà nghỉ trọ lúc này có M, L, H, và S, còn B không có mặt. S1 hỏi L “*02 vé bao nhiêu tiền*” (tức hỏi giá tiền mua dâm của 02 người là bao nhiêu), L trả lời là 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*) (tức khách mua dâm phải trả 400.000 đồng/lượt/người). Sau đó, S1 đưa cho L 02 tờ tiền có mệnh giá 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*), tuy nhiên chưa có tiền lẻ trả lại nên L hẹn sẽ trả S1 sau, S1 đồng ý, sau đó L sắp xếp cho S1 vào phòng A4 đợi

gái mua dâm. Tiếp đó, L đưa K vào phòng A3 nhưng do phòng A3 có đồ đạc nên L đưa K sang phòng A2. Sau khi sắp xếp phòng cho khách, L ra sân gặp M nói với M có khách đến mua dâm, thấy vậy, M xuống phòng A5 bảo H chuẩn bị bán dâm cho khách, lát sau L tiếp tục xuống phòng A5 gọi H lên phòng A2 để bán dâm cho K. Còn S1 ở phòng A4 đợi do chưa có gái bán dâm, M và L hứa hẹn sẽ bố trí gái bán dâm cho S1. Đến 23 giờ 30 phút, khi K và H đang thực hiện hành vi mua bán dâm quan hệ tình dục thì bị Công an huyện Bắc Quang bắt quả tang, quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, Cơ quan điều tra đã thu giữ những đồ vật, tài liệu sau:

- Số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) gồm 02 tờ tiền mệnh giá 500.000đ (năm trăm nghìn đồng);

- 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ màu xanh đen, màn hình có nhiều vết nứt, vỡ, điện thoại cũ, đã qua sử dụng của Mai Thị L.

- 01 ví da màu nâu có dòng chữ LOUISVUITTON (cũ đã qua sử dụng) cùng số tiền 4.790.000đ (bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá khác nhau của Nông Đức M.

- 01 điện thoại di động, màn hình cảm ứng nhãn hiệu Realme màu đen, điện thoại cũ đã qua sử dụng của Nông Đức M.

- 01 bao cao su đã sử dụng và 01 vỏ bao cao su đã bị xé rách có dòng chữ Sarkamura tại phòng trọ A2.

Đến 02 giờ 25 phút 02/10/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Quang tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà trọ của Nông Đức M tại thôn T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, quá trình khám xét đã thu giữ tại phòng A1 là phòng ngủ của Nông Đức M và Mai Thị L tạm giữ:

- + 01 biển màu đỏ có kích thước 30 x 42cm ghi chữ “M TRỌC HÀ GIANG NỘI QUY NHÀ NGHỈ”

- + 10 bao cao su vỏ có dòng chữ Sakamura, mới chưa qua sử dụng.

- + 01 giấy đề nghị đăng ký kinh doanh ghi tên Nông Đức M;

- + 01 phiếu tiếp nhận hồ sơ đăng ký thành lập hộ kinh doanh ghi tên Nông Đức M;

- + 01 hợp đồng thuê nhà số 127, quyền 01/2021/HĐGDDS-UBND ngày 20/9/2021.

Ngày 08/10/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định trưng cầu giám định số 151, trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang giám định tiền Việt Nam đồng tổng số tiền 5.790.000đ (năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng) gồm nhiều mệnh giá tiền khác nhau có phải tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành hay không?

Ngày 14/10/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang ban hành kết luận giám định số 416/KL-PC09, kết luận: 18 (mười tám) tờ tiền Việt Nam gửi

giám định đều là tiền thật.

Với hành vi trên, tại Cáo trạng số 06/CT-VKSBQ ngày 28/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang đã truy tố các bị cáo Nông Đức M, Mai Thị L về tội "*Chứa mại dâm*" theo quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự.

Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Nông Đức M, Mai Thị L về tội "*Chứa mại dâm*".

Về Điều luật áp dụng và mức hình phạt: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 327, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nông Đức M từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 25/01/2022; áp dụng khoản 1 Điều 327, Điều 17, Điều 38, Điều 50, điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Mai Thị L từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 11/11/2021. Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nông Đức M, Mai Thị L thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên và lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên của huyện Bắc Quang trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự quy định. Giai đoạn điều tra cũng như tại phiên tòa những người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến, khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người làm chứng, nhưng trước đó đã có lời khai tại giai đoạn điều tra và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ 293 của Bộ luật Tố

tụng Hình sự, xét thấy sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai nhận tội của các bị cáo Nông Đức M, Mai Thị L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo tại giai đoạn điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, các biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ, tài liệu hiện trường, bản kết luận giám định đối với số tiền thu được, lời khai của những người tham gia tố tụng và các tài liệu chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án, đã có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 01/10/2021, tại nhà nghỉ trọ ở thôn T, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Nông Đức M có hành vi chứa chấp một đôi mua bán dâm tại phòng A2 của nhà nghỉ trọ. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội, Mai Thị L đã giúp sức cho Nông Đức M quản lý nhà nghỉ và thực hiện hành vi giao dịch và sắp xếp phòng, bố trí gái bán dâm cho khách vào ngày 01/10/2021.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, đã trực tiếp xâm phạm đến đạo đức, nếp sống văn minh, thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hoá, trật tự trị an xã hội là khách thể quan trọng được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Đây là một trong những nguyên nhân làm lây truyền các bệnh xã hội, làm ảnh hưởng đến đời sống tinh thần, ảnh hưởng đến sức khoẻ của con người, các bị cáo đã để cho Nguyễn Thị H bán dâm cho khách rồi thu tiền của khách để phục vụ chi tiêu S hoạt hàng ngày, nên hành vi của các bị cáo đã phạm tội: “Chứa mại dâm” quy định tại khoản 1 Điều 327 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 06/CT-VKSBQ ngày 28/01/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang truy tố các bị cáo Nông Đức M và Mai Thị L là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp lý.

[5] Khoản 1 Điều 327 Bộ luật Hình sự quy định.

"1. Người nào chứa mại dâm, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm".

[6] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò của từng bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo cùng cố ý thực hiện một tội phạm, nhưng không có sự bàn bạc, thống nhất, nên thuộc vụ án đồng phạm giản đơn. Bị cáo M là người thực hiện hành vi phạm tội và bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội, nên vai trò của bị cáo M là cao hơn bị cáo L trong vụ án.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và nhân thân chưa có tiền án tiền sự.

[8] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt đối với các bị cáo: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo là dân tộc thiểu số, phạm tội lần đầu đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo L khi phạm tội là người đang có thai, nên bị cáo L được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo M có người thân có công với cách mạng nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp

luật, mà cải tạo mình cho tốt. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục, cũng như đáp ứng yêu cầu đấu tranh, răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[9] Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Trong vụ án này bị cáo M là người thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo L là người giúp sức cho bị cáo M thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo M có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, bị cáo L có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 BLHS, do đó mức hình phạt của bị cáo M là cao hơn bị cáo L.

[10] Về hình phạt bổ sung: Do các bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[11] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xử lý như sau:

[12] Đối với 01 ví màu nâu, nhãn hiệu LOUISVUITTON (*đã qua sử dụng*); 01 bao cao su, *đã qua sử dụng* và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sarkamura bị xé rách; 01 tấm biển một mặt màu đỏ, kích thước (30 x 42)cm, ghi chữ M TRỌC HÀ GIANG NỘI QUY NHÀ NGHỈ; 10 bao cao su, nhãn hiệu Sarkamura, chưa qua sử dụng. Xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[13] Đối với số tiền 5.790.000 đồng. Toàn bộ số tiền được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang chuyển vào tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, biên lai thu tiền số 0001512 ngày 24/02/2022. Trong đó có 800.000 đồng bị cáo thu của người mua dâm, đây là số tiền liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; số tiền 200.000 đồng là tiền cá nhân của người mua dâm Hoàng văn S1 và số tiền 4.790.000 đồng của cá nhân bị cáo Nông Đức M, xét thấy số tiền này không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho S1 và M.

[14] Đối với 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, vỏ màu xanh đen, màn hình có nhiều vết nứt vỡ, cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, màu nâu đen, cũ đã qua sử dụng. Hội đồng xét xử xét thấy đây là điện thoại cá nhân của Mai Thị L và Nông Đức M, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần được trả lại cho Mai Thị L và Nông Đức M.

[15] Đối với 01 giấy đề nghị đăng ký hộ kinh doanh ghi tên Nông Đức M; 01 phiếu tiếp nhận hồ sơ của khách hàng Nông Đức M, đăng ký thành lập hộ kinh doanh ngày 24/9/2021; 01 hợp đồng thuê nhà đất số 127, quyền 01/2021/HĐGDDS-UBND ngày 20/9/2021 có chứng thực, đóng dấu tròn đỏ của UBND thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang. Hội đồng xét xử xét thấy, các tài liệu trên hiện đang được lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

[16] Đối với Đối với chủ nhà Nguyễn Văn T2, quá trình ký hợp đồng cho

thuê nhà, T2 không biết M sử dụng nhà nghỉ trọ để làm nơi thực hiện hành vi chứa mại dâm và cũng không được M trao đổi gì. Ngoài ra T2 không được hưởng lợi gì từ việc chứa chấp mại dâm nên không có căn cứ để xử lý T2 trong vụ án này.

[17] Đối với việc nhà nghỉ trọ mà M thuê của T2, sau khi ký hợp đồng thuê nhà, M đã tiến hành làm thủ tục đăng ký hộ kinh doanh cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép. Đến ngày 27/9/2021, Phòng Tài chính kế hoạch huyện Bắc Quang đã cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh số 10J8006548 về kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày cho M. Tuy nhiên sau khi cấp giấy không thấy M đến lấy. Đến ngày 01/10/2021, M bị bắt quả tang về hành vi chứa mại dâm tại nhà nghỉ trọ. Do đó ngày 30/12/2021, Cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang đã có văn bản đề nghị Cơ quan có thẩm quyền xử lý, giải quyết thu hồi lại giấy phép kinh doanh trên theo quy định của pháp luật, nên không xem xét xử lý.

[18] Đối với đối tượng mua bán dâm gồm: Hoàng Văn S1, Nguyễn Văn K và Nguyễn Thị H. Tại giai đoạn điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang đã xử lý vi phạm hành chính. Do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[19] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 327, Điều 17, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nông Đức M.

Căn cứ khoản 1 Điều 327, Điều 17, điểm n, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 38, Điều 50, Điều 58 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Mai Thị L.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136, Điều 106, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố các bị cáo Nông Đức M, Mai Thị L phạm tội “Chứa Mại Dâm”.

2. Hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Nông Đức M 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn tù tính ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 25/01/2022.

- Xử phạt bị cáo Mai Thị L 01 (một) năm tù về tội “Chứa mại dâm”, thời hạn tù tính ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, bị cáo được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 02/10/2021 đến ngày 11/11/2021.

3. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước số tiền 800.000đ (*tám trăm nghìn đồng*).

Trả lại số tiền 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) cho Hoàng Văn S1; nơi cư trú: Thôn K, xã K, huyện Q, tỉnh Hà Giang và trả lại số tiền 4.790.000đ (*bốn triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) cho bị cáo Nông Đức M nằm trong tổng số tiền 5.790.000đ (*năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*). Toàn bộ số tiền 5.790.000đ (*năm triệu bảy trăm chín mươi nghìn đồng*) được cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Quang chuyển vào tài khoản số 3949.0.1047740 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, biên lai thu tiền số 0001512 ngày 24/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang.

Tịch thu tiêu hủy 01 ví màu nâu, nhãn hiệu LOUISVUITTON (*đã qua sử dụng*); 01 bao cao su, đã qua sử dụng và 01 vỏ bao cao su nhãn hiệu Sarkamura bị xé rách; 01 tấm biển một mặt màu đỏ, kích thước (30 x 42)cm, ghi chữ M TRỌC HÀ GIANG NỘI QUY NHÀ NGHỈ; 10 bao cao su, nhãn hiệu Sarkamura, chưa qua sử dụng.

Trả lại cho Mai Thị L 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Samsung, vỏ màu xanh đen, màn hình có nhiều vết nứt vỡ, cũ đã qua sử dụng và trả lại cho Nông Đức M 01 điện thoại di động, loại màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Realme, màu nâu đen, cũ đã qua sử dụng.

(*Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Bắc Quang và Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 24/02/2022, biên lai thu tiền số 0001512 ngày 24/02/2022*).

4. Về án phí:

Bị cáo Nông Đức M và bị cáo Mai Thị L mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh Hà giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Chi cục THADS huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Những người tham gia tố tụng;
- Bộ phận THA hình sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Tuấn Vĩnh

